

Số: **10**/2021/NQ-HĐND

Vĩnh Phúc, ngày **03** tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ
xã hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng
3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối
tượng bảo trợ xã hội;*

*Xét Tờ trình số 206/TTr-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy
định mức chuẩn trợ cấp xã đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh
Vĩnh Phúc; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ
xã hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc như sau:**

1. Đối tượng được trợ giúp là đối tượng bảo trợ xã hội được quy định tại
Điều 5 Chương II Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của
Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

2. Mức chuẩn trợ giúp xã hội đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều
này là: 447.000/tháng.

3. Mức chuẩn trợ giúp xã hội là căn cứ xác định mức trợ cấp xã hội, mức hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng; mức trợ cấp nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội và các mức trợ giúp xã hội khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc khóa XVII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 31 tháng 07 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2021./. 

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đảng ủy Khối các cơ quan, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân tỉnh;
- Thường trực các huyện, thành ủy; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện;
- Báo Vĩnh Phúc, Đài Phát thanh - Truyền hình, Công Thông tin - Giao tiếp điện tử tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chánh, Phó Văn phòng, chuyên viên Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT, TH(01).L(100). 

CHỦ TỊCH



Hoàng Thị Thúy Lan